Dhammapada Sutta (17)

Kinh Pháp Cú (Dhammapada, Anh–Việt)

dhp_ev 11

This document is written in Vietnamese, with Unicode Times font

Dhammapada Sutta

(Khuddaka Nikaya - Sutta Pitaka)

The Path of Truth

English translation

by Bhikkhu Khantipalo & Sister Susanna

Sydney, Australia, 1993 Kinh Pháp Cú

Vietnamese translation

by Bhikkhu Thích Minh Châu

Sài Gòn, Việt Nam, 1996

XI- Jaravagga

Old Age Phẩm Già

146. Why this laughter, why this joy,

when it's ever blazing?

Shrouded all about by gloom

won't you look for the light? 146. Cười gì, hân hoan gì,

Khi đời mãi bị thiêu?

Bị tối tăm bao trùm,

Sao không tìm ngọn đèn?

147. See this body beautiful

a mass of sores, a congeries,

much considered but miserable

where nothing's stable, nothing persists. 147. Hãy xem bong bóng đẹp,

Chỗ chất chứa vết thương,

Bệnh hoạn nhiều suy tư,

Thật không gì trường cửu.

148. All decrepit is this body,

diseases' nest and frail;
this foul mass is broken up
for life does end in death. 148. Sắc này bị suy già,
Ổ tật bệnh, mỏng manh,
Nhóm bất tịnh đổ vỡ,
Chết chấm dứt mạng sống.
149. These dove-hued bones
scattered in Fall,
like long white gourds,
what joy in seeing them? 149. Như trái bầu mùa thu,
Bị vất bỏ quăng đi,
Nhóm xương trắng bồ câu,
Thấy chúng còn vui gì?
150. This city's made of bones
plastered with flesh and blood,
within are stored decay and death,
besmearing and conceit. 150. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng thịt máu,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.
151. Even rich royal chariots rot,
the body too does rot, decay,
but undecaying's Dhamma of the Good;
who to the good declare. 151. Xe vua đẹp cũng già,
Thân này rồi sẽ già.
Pháp bậc thiện, không già.
Như vậy bậc chí thiện
Nói lên cho bậc thiện.
152. Just as the ox grows old
so this man of little learning:

his fleshiness increases,
his wisdom doesn't grow. 152. Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng tuệ không tăng trưởng.
153. Through many of samsara's births
I hasten seeking, finding not
the builder of this house:
pain is birth again, again. 153. Lang thang bao kiếp sống
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.
154. O Builder of this house, you're seen!
you shall not build a house again;
all you beams have given away,
rafters of the ridge decayed,
mind to the Unconditioned gone,
exhaustion of craving has it reached. 154. Ôi! Người làm nhà kia [1]
Nay ta đã thấy ngươi!
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay [2] ngươi bị gẫy,
Kèo cột [3] ngươi bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt,
Tham ái thảy tiêu vong.
155. Who have not led the holy life
nor riches won while young,
they linger on as aged cranes
around a fished-out pond. 155. Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,

Ủ rũ, không tôm cá.

156. Who have not led the holy life

nor riches won while young,

they languish on, worn-out bows,

sighing for the past. 156. Lúc trẻ, không phạm hạnh,

Không tìm kiếm bạc tiền.

Như cây cung bị gẫy,

Thở than những ngày qua

Chú thích:

[1] Ái

[2] Thân

[3] Phiền não.

[Phẩm trước][Mục lục][Phẩm kế]

[Thư mục Việt ngữ] [BuddhaSasana Main Page]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.